TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/KDTM-ST
Ngày: 08/10/2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang

2. Ông Mai Văn Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Danh Tường Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/TLST-KDTM, ngày 08 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-KDTM, ngày 17 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ**

Địa chỉ: Tổ 7, ấp VH 1, xã V H P, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật là ông Ngô Văn L, sinh năm 1979, chức vụ: Giám đốc (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền là bà **Nguyễn Thị Tuyết V**, sinh năm 1978, chức vụ: Phó giám đốc, theo giấy ủy quyền lập ngày 18/5/2018 (có mặt).

2. Bị đơn: **Ông Lâm Thế D (tên gọi khác: K)**, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: C9-L10, đường TQK, Phường AH, Thành Phố RG, tỉnh Kiên Giang.

3. Người làm chứng:

- Ông **Lý Nhị V**, sinh năm 1983 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 395, tổ 7, ấp VH 1, xã V H P, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

- Ông **Trương Văn T**, sinh năm 1981 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 312, tổ 6, ấp VH 1, xã V H P, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2018 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ là ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị Tuyết V thống nhất trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ (gọi tắt là Công ty) kinh doanh sản xuất nước đá, còn ông Lâm Thế D thì kinh doanh khai thác đánh bắt hải sản từ đó giữa ông Ngô Văn L (Giám đốc Công ty) và ông D quen biết, bắt đầu làm ăn với nhau từ năm 2013, ông D thường hay trực tiếp liên hệ với ông L để mua nước đá cây và nhớt chạy máy tàu của Công ty để phục vụ cho việc khai thác đánh bắt hải sản, giữa các bên không có lập hợp đồng mua bán mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói, sau khi Công ty giao hàng xong thì ông D có ký xác nhận công nợ vào hóa đơn giao hàng kiêm giấy nhận nợ (có hóa đơn ký và ghi họ tên Phan Văn K và cũng có hóa đơn ký và ghi họ tên Lâm Thế D). Đến ngày 28/8/2017 thì ông D còn nợ Công ty số tiền mua bán nước đá cây là 182.522.000 đồng, bản thân ông L đã nhiều lần yêu cầu ông D phải trả dứt điểm khoản nợ trên cho Công ty nhưng ông D cứ hứa hẹn nhiều lần mà không trả và cố tình tránh né nhằm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty.

Ngoài ra, ông L xác định lời trình bày của ông D trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết là không đúng sự thật, cụ thể như sau:

+ Đúng là khi bắt đầu làm ăn với nhau từ năm 2013 thì các bên thỏa thuận giá 01 cây nước đá là 9.500 đồng nhưng từ năm 2014 đến năm 2017 thì do nhu cầu kinh tế thị trường, chi phí sản xuất kinh doanh, tiền công cho người lao động tăng lên nên ông điều chỉnh lại giá 01 cây nước đá tăng lên 10.000 đồng, 10.500 đồng và 11.000 đồng. Những lần tăng giá này, ông đều thông báo cho ông D biết, lúc đó ông D cũng có ý kiến xem xét lại giá nhưng sau khi trao đổi thì các bên thống nhất với giá và ông D tiếp tục mua hàng tại công ty của ông.

+ Từ khi xác lập mối quan hệ mua bán cho đến khi kết thúc vào ngày 28/8/2017, giữa ông và ông D đều có thỏa thuận về việc tính phí nhân công phụ ém hầm và tính phí tiền điện khi tàu của ông D neo đậu tại bến của công ty ông, khi ra hóa đơn thì ông D đều thống nhất và yêu cầu tính trên hóa đơn, ông D sẽ thanh toán sau, theo thông lệ thì những tàu nào đậu ngay bến của công ty ông dưới 07 ngày thì ông đều

không tính phí tiền điện, chỉ những trường hợp tàu đậu sửa chữa trên 07 ngày thì tiền điện tăng cao nên công ty ông mới thông báo cho các chủ tàu về việc phụ tính phí tiền điện trong đó có tàu của ông D; ngoài ra, khi mua nước đá thì ông D đều yêu cầu công ty ông thực hiện việc ém hầm, việc tính phí ém hầm là do anh em công nhân thông báo lại cho ông, nếu ông D đã trả tại thời điểm ém hầm thì ông không tính trong hóa đơn còn nếu ông D chưa trả thì ông tính phí trong hóa đơn. Hơn nữa trong giai đoạn từ ngày 24/10/2013 đến ngày 28/3/2014 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ và ông D thực hiện giao dịch mua bán 04 lần, ông đếu có giao đầy đủ hóa đơn cho ông D, trong đó đều có tính tiền ém hầm, tiền điện, ông D có biết và không có ý kiến, đến ngày 28/5/2014 thì ông D trả toàn bộ công nợ ở thời điểm đó là 35.460.000 đồng và tiếp tục mua hàng, như vậy chứng tỏ là có sự thống nhất ý chí của ông D đối với việc tính tiền ém hầm, tiền điện trong thời điểm nêu trên và kéo dài đến những hóa đơn mua bán sau này.

+ Ông khẳng định ông D hoàn toàn không có thanh toán cho ông số tiền 40.000.000 đồng trong thời gian gần tết âm lịch năm 2017, nếu ông D có thanh toán số tiền trên thì ông đã khấu trừ qua lần mua bán tiếp theo giống như những đợt thanh toán trước đó.

Ông D có ý kiến gian dối như vậy nhằm để trốn tránh trách nhiệm trả nợ cho công ty ông, nếu ông D cho rằng có những thỏa thuận về giá mua bán, về việc không tính tiền ém hầm, tiền điện cũng như số tiền 40.000.000 đồng đã thanh toán thì ông D phải có tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự việc liên quan đến những vấn đề trên. Riêng đối với số tiền nợ 93.490.000 đồng thể hiện trong hóa đơn ngày 01/4/2016 thì ông thừa nhận có nhầm lẫn nên đã tính sai, thực tế thời điểm đó ông D chỉ có nợ 90.490.000 đồng, do đó ông chỉ đồng ý khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng vào tổng công nợ 182.522.000 đồng. Như vậy, ông D chỉ còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ số tiền 179.522.000 đồng.

Nay ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị Tuyết V đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.000.000 đồng trong tổng công nợ 182.522.000 đồng, ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị Tuyết V yêu cầu ông Lâm Thế D thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ số tiền mua bán còn nợ lại là 179.522.000 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 0,75%/tháng trong thời gian ông Lâm Thế D chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn – ông Lâm Thế D trình bày: Ông tên là Lâm Thế D, ngoài ra ông còn có tên gọi

khác khi giao dịch mua bán là K. Ông là chủ doanh nghiệp tư nhân Lâm Thế D, loại hình kinh doanh là khai thác hải sản, đến tháng 9/2017 thì doanh nghiệp tư nhân Lâm Thế D không còn hoạt động nữa và hiện nay đã giải thể. Trong thời gian doanh nghiệp tư nhân Lâm Thế D còn hoạt động thì ông quen biết, bắt đầu làm ăn với ông Ngô Văn L – Chủ hãng nước đá LMĐ (sau này ông mới biết là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ) từ năm 2013 đến cuối tháng 8/2017, ông thường hay trực tiếp liên hệ với ông L để mua nước đá cây và nhớt chạy máy tàu của Công ty để phục vụ cho việc khai thác đánh bắt hải sản, giữa các bên không có lập hợp đồng mua bán mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói nhưng ông khẳng định không có việc thỏa thuận tính phí tiền điện và phí nhân công ém hầm vận chuyển nước đá xuống tàu; ngoài ra, trong thời gian mới bắt đầu làm ăn, thì giá thỏa thuận tính 01 cây nước đá là 9.500 đồng nhưng từ năm 2014 thì ông L tự lên giá mỗi cây nước đá là 10.000 đồng, 10.500 đồng và 11.000 đồng. Đến khoảng gần tết âm lịch năm 2017, ông có trả cho ông L số tiền 40.000.000 đồng nhưng ông L không khấu trừ qua nợ, ông có thắc mắc thì ông L nói là nâng giá lên để phụ tiền nợ trả ngân hàng, ông không đồng ý và yêu cầu khấu trừ lại số tiền chênh lệch giá cho ông nhưng ông L vẫn không thực hiện, lúc đó ông cũng không có để ý xem qua những hóa đơn mua bán sau này cho đến khi các bên phát sinh tranh chấp. Qua những hóa đơn mua bán mà ông L đưa cho ông trong giai đoạn từ ngày 12/12/2014 đến ngày 28/8/2017 thì ông tính ra được số tiền chênh lệch giá so với giá mua bán năm 2013 (9.500 đồng/cây nước đá) là 50.268.000 đồng, tiền ém hầm là 17.100.000 đồng, tiền điện là 7.000.000 đồng, tổng cộng là 74.368.000 đồng; ngoài ra, ông còn phát hiện ông L tính công nợ theo hóa đơn ngày 01/4/2016 là 93.490.000 đồng trong khi đến thời điểm đó ông chỉ có nợ ông L số tiền 90.490.000 đồng. Ông thừa nhận có ký tên, ghi họ tên Lâm Thế D trong các hóa đơn giao hàng kiêm giấy nhận nợ lập các ngày 23/5/2016 (số tiền 136.785.000 đồng), 21/10/2016 (số tiền 141.325.000 đồng) và cuối năm 2017 (số tiền 182.522.000 đồng); đồng thời ông cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc thỏa thuận khấu trừ số tiền chênh lệch giá, tiền ém hầm, tiền điện cũng như số tiền 40.000.000 đồng mà ông đã đưa cho ông L vào thời điểm gần tết âm lịch năm 2017.

Theo ông tính toán thì số tiền chênh lệch giá, tiền ém hầm, tiền điện, số tiền 40.000.000 đồng đã đưa cho ông L, số tiền 3.000.000 đồng do tính sai công nợ ngày 01/4/2016, tổng cộng các khoản là 117.368.000 đồng. Sau khi khấu trừ qua số tiền trên thì ông chỉ còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ số tiền 65.154.000 đồng, ông yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết khoản nợ này.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng – ông Trương Văn T và ông Lý Nhị V trình bày: Ông T bắt đầu làm thuê cho công ty của ông L trong khoảng thời gian từ năm 2004-2005 đến nay, ông V bắt đầu làm công cho công ty của ông L từ trong khoảng thời gian từ năm 2007-2008 đến nay, do đó cả hai ông đều biết ông D thông qua việc ém hầm khi ông D giao dịch mua bán nước đá cây với công ty của ông L. Khi tàu của ông D neo đậu cặp bến của công ty ông L thì thuyền trưởng trên tàu cũng như ông D đều yêu cầu phía công ty cho người xuống thực hiện việc ém hầm để vận chuyển nước đá xuống khoang tàu, cả hai ông đều là nhân công trực tiếp ém hầm cho tàu của ông D, phí ém hầm là 300 đồng/ 01 cây nước đá, anh em nhân công trực tiếp thu và báo lại cho phía ông L do đó khi ém hầm xong thì anh em đều có hỏi về việc trả phí ém hầm, thuyền trưởng trên tàu cũng như ông D đều đề nghị ghi trong hóa đơn mua hàng để thanh toán sau; riêng đối với việc ông D cho anh em thêm vài trăm nghìn là có nhưng đó là tiền cho riêng, do lúc đó ông D yêu cầu anh em thực hiện việc ém hầm cho kỹ tránh ảnh hưởng đến kết cấu tàu nên việc cho tiền thêm này không liên quan đến việc tính phí ém hầm. Ngoài ra, mỗi lần tàu của ông D neo đậu tại bến của công ty thì đa số đều trên 07 ngày, ít khi nào dưới 07 ngày, cụ thể mỗi năm neo đậu khoảng bao nhiêu chuyến thì hai ông không nhớ rõ do đã quá lâu.

- Tại biên bản xác minh lập ngày 14/9/2018, ông Trần Thanh N – Phó trưởng Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cung cấp nội dung sự việc như sau: Ông Lâm Thế D có đăng ký doanh nghiệp tại Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang, tên đăng ký là Doanh nghiệp tư nhân Lâm Thế D, mã số: 1701755402, địa chỉ trụ sở chính: Lô 10-09, đường TQK, Phường AH, Thành Phố RG , tỉnh Kiên Giang; do ông Lâm Thế D là người đại diện theo pháp luật. Hiện nay Doanh nghiệp tư nhân Lâm Thế D đã giải thể theo Thông báo về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại ngày 18/7/2018 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành tốt, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụngcác Điều 357, 433, 440, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 50, 55, 56, 306 của Luật thương mại năm 2005 để xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ yêu cầu bị đơn – ông Lâm Thế D thanh toán khoản nợ mua bán hàng hóa, các đương sự đều có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận trong thời gian thỏa thuận mua bán nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về hoạt động kinh doanh thương mại, bị đơn có nơi cư trú tại Thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn kèm theo tài liệu, chứng cứ mà các đương sự đã cung cấp cho Tòa án và do Tòa án thu thập là 03 hóa đơn kiêm phiếu giao hàng, giấy nhận nợ; bản kê quá trình mua bán, thanh toán từ năm 2013 đến ngày 28/8/2017; các hóa đơn kiêm phiếu giao hàng từ năm 2013 đến ngày 29/8/2017; giấy xác nhận về thỏa thuận tính phí ém hầm lập ngày 10/6/2018; biên bản xác minh tại Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang lập ngày 14/9/2018; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Doanh nghiệp tư nhân Lâm Thế D; Thông báo về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại ngày 18/7/2018 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh KIÊN GIANG thể hiện những nội dung chính sau: "Giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ và ông Lâm Thế D (Chủ doanh nghiệp tư nhân Lâm Thế D, đã giải thể theo Thông báo về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại ngày 18/7/2018 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang) thỏa thuận mua bán nước đá cây và nhớt chạy máy tàu trong giai đoạn từ năm 2013 đến ngày 28/8/2017, giữa các bên không có lập hợp đồng mua bán mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói về chủng loại, số lượng, chất lượng, đơn giá hàng hóa, thời hạn giao hàng, địa điểm giao hàng, xuất

hóa đơn mua bán hàng hóa sau mỗi đợt giao hàng, chi phí ém hầm để vận chuyển hàng hóa, chi phí tiền điện trong thời gian tàu neo đậu lại. Tuy hợp đồng mua bán không thể hiện bằng văn bản nhưng các hóa đơn giao hàng và bảng kê quá trình mua bán, thanh toán trong giai đoạn từ năm 2013 đến ngày 28/8/2017 đã thể hiện rõ ràng nội dung thỏa thuận mua bán; sau khi Công ty giao hàng xong thì ông D có ký xác nhận công nợ trong các hóa đơn giao hàng kiêm giấy nhận nợ lập các ngày 23/5/2016 (số tiền 136.785.000 đồng), 21/10/2016 (số tiền 141.325.000 đồng) và cuối năm 2017 (số tiền 182.522.000 đồng); sự việc này đã được phía ông D thừa nhận trong các phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ". Do phía ông D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán sau khi đã đối chiếu công nợ nên Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ yêu cầu ông D thanh toán khoản nợ mua bán với số tiền 182.522.000 đồng, người đại diện của Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ thừa nhận có nhầm lẫn nên đã tính sai đối với số tiền nợ 93.490.000 đồng thể hiện trong hóa đơn ngày 01/4/2016, thực tế thời điểm đó ông D chỉ có nợ 90.490.000 đồng nên đồng ý khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng vào tổng công nợ, cụ thể là Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ yêu cầu ông D thanh toán số tiền 179.522.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định thỏa thuận giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ và ông Lâm Thế D là hợp đồng mua bán hàng hóa, hiện nay ông D còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ số tiền 179.522.000 đồng, nên cần buộc ông D phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn số tiền 179.522.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều 34, 42, 50, 55 của Luật thương mại năm 2005.

[2] Xét ý kiến phản bác của bị đơn về số tiền chênh lệch giá, tiền ém hầm, tiền điện, số tiền 40.000.000 đồng đã đưa cho ông L, số tiền 3.000.000 đồng do tính sai công nợ ngày 01/4/2016, tổng cộng các khoản là 117.368.000 đồng và yêu cầu khấu trừ toàn bộ số tiền này vào tổng công nợ mua bán:

- Về thỏa thuận giá mua bán nước đá cây: Các đương sự thống nhất giá mua bán mỗi cây nước đá thời điểm năm 2013 là 9.500 đồng, nhưng ông D cho rằng từ năm 2014 đến cuối tháng 8/2017 phía Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ tự lên giá mỗi cây nước đá là 10.000 đồng, 10.500 đồng và 11.000 đồng, ông D có thắc mắc thì ông L nói là nâng giá lên để phụ tiền nợ trả ngân hàng, ông D không đồng ý và yêu cầu khấu trừ lại số tiền chênh lệch giá tính đến thời điểm mua bán cuối cùng vào ngày 28/8/2017 là 50.268.000 đồng. Ông L khẳng định từ năm 2014 đến năm 2017, do nhu cầu kinh tế thị trường, chi phí sản xuất kinh doanh, tiền công cho người lao động tăng lên nên Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ điều chỉnh lại giá 01 cây nước

đá tăng lên 10.000 đồng, 10.500 đồng và 11.000 đồng; trong những lần tăng giá này, ông L đều thông báo cho ông D biết, lúc đó ông D cũng có ý kiến xem xét lại giá nhưng sau khi trao đổi thì các bên thống nhất với giá và ông D tiếp tục mua hàng của Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ. Qua xem xét các hóa đơn kiêm phiếu giao hàng từ năm 2013 đến ngày 28/8/2017 đủ cơ sở xác định có sự thống nhất ý chí giữa các đương sự đối với sự thay đổi về giá, bằng chứng là việc bị đơn thừa nhận đều có thanh toán ở những hóa đơn mua bán tiếp theo sau khi nhận hàng, bị đơn cho rằng có sự thống nhất về giá mua bán mỗi cây nước đá trong suốt quá trình giao dịch là 9.500 đồng và có thông báo cho nguyên đơn về việc điều chỉnh lại giá nhưng bị đơn lại không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Căn cứ vào Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định lời khai và yêu cầu khấu trừ số tiền chênh lệch giá của bị đơn là không có căn cứ do sự thay đổi về giá của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 431 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 52 của Luật thương mại năm 2005 và đã có sự thống nhất của bị đơn về giá mua bán qua các hóa đơn tiếp theo.

- Về tính chi phí tiền ém hầm, tiền điện: Ông D cho rằng không có việc thỏa thuận tính phí tiền điện và phí nhân công ém hầm vận chuyển nước đá xuống tàu trong thời gian mua bán nên việc Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ tính các chi phí nêu trên vào hóa đơn giao hàng là không hợp lý. Ông L cho rằng từ khi xác lập mối quan hệ mua bán cho đến khi kết thúc vào ngày 28/8/2017, giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ và ông D đều có thỏa thuận về việc tính phí nhân công phụ ém hầm và tính phí tiền điện khi tàu của ông D neo đậu tại bến của công ty ông, khi ra hóa đơn thì ông D đều thống nhất và yêu cầu tính trên hóa đơn, ông D sẽ thanh toán sau, theo thông lệ thì những tàu nào đậu ngay bến của công ty ông dưới 07 ngày thì ông đều không tính phí tiền điện, chỉ những trường hợp tàu đậu sửa chữa trên 07 ngày thì tiền điện tăng cao nên công ty ông mới thông báo cho các chủ tàu về việc phụ tính phí tiền điện trong đó có tàu của ông D; ngoài ra, khi mua nước đá thì ông D đều yêu cầu công ty ông thực hiện việc ém hầm, việc tính phí ém hầm là do anh em công nhân thông báo lại cho ông, nếu ông D đã trả tại thời điểm ém hầm thì ông không tính trong hóa đơn còn nếu ông D chưa trả thì ông tính phí trong hóa đơn; hơn nữa trong giai đoạn từ ngày 24/10/2013 đến ngày 28/3/2014, giữa Công ty Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ và ông D thực hiện giao dịch mua bán 04 lần, ông đều có giao đầy đủ hóa đơn cho ông D, trong đó đều có tính tiền ém hầm, tiền điện, ông D có biết và không có ý kiến, đến ngày 28/5/2014 thì ông D trả toàn bộ công nợ ở thời điểm đó là 35.460.000 đồng và tiếp tục mua hàng, như vậy chứng tỏ là có sự thống

nhất ý chí của ông D đối với việc tính tiền ém hầm, tiền điện trong thời điểm trên và kéo dài đến những hóa đơn mua bán sau này. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, lời khai của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Trương Văn T, Lý Nhị V và nguồn chứng cứ là các hóa đơn giao hàng trong giai đoạn từ năm 2013 đến ngày 28/8/2017; bị đơn cho rằng do không để ý khi thanh toán các hóa đơn mua hàng nên không biết việc tính phí tiền ém hầm, tiền điện trong hóa đơn, sau khi xem lại thì có đề nghị nguyên đơn khấu trừ lại những số tiền trên, tuy nhiên bị đơn lại không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho những tình tiết, sự kiện mà mình đã đưa ra. Căn cứ vào Điều 91, khoản 5 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định lời khai và yêu cầu khấu trừ số tiền ém hầm, tiền điện của bị đơn là không có cơ sở để xem xét.

- Về số tiền 40.000.000 đồng đã thanh toán: Ông D cho rằng vào thời điểm gần tết âm lịch năm 2017, ông có thanh toán cho Công ty Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ số tiền 40.000.000 đồng nhưng ông L không khấu trừ qua nợ mua bán trong những lần mua hàng tiếp theo, do tin tưởng nên ông không có yêu cầu ông L ký nhận số tiền đã thanh toán, thời điểm đó cũng không có người chứng kiến việc thanh toán này. Ông L cho rằng ông D hoàn toàn không có thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ số tiền 40.000.000 đồng vào thời điểm trên, nếu ông D có thanh toán số tiền trên thì ông đã khấu trừ qua lần mua bán tiếp theo giống như những đợt thanh toán trước đó, do đó ông không đồng ý với ý kiến này của ông D. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, bị đơn xác định đã thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ số tiền 40.000.000 đồng trong thời điểm gần tết âm lịch năm 2017 tuy nhiên bị đơn lại không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho những tình tiết, sự kiện mà mình đã đưa ra, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định lời khai và yêu cầu khấu trừ số tiền 40.000.000 đồng đã thanh toán vào tổng công nợ của bị đơn là không có cơ sở để xem xét.

- Về yêu cầu khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng do tính sai công nợ ngày 01/4/2016: Ông D cho rằng Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ tính công nợ theo hóa đơn ngày 01/4/2016 là 93.490.000 đồng trong khi đến thời điểm đó ông chỉ có nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ số tiền 90.490.000 đồng nên ông đề nghị khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng vào tổng công nợ hiện nay. Ông L thừa nhận có nhầm lẫn khi tính toán công nợ trong hóa đơn ngày 01/4/2016 nên ông đồng ý khấu trừ số tiền trên vào tổng công nợ theo yêu cầu của bị đơn. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đề nghị này của bị đơn là có cơ sở để xem xét, tại phiên tòa thì phía người đại diện hợp

pháp của nguyên đơn cũng đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.000.000 đồng trong tổng công nợ 182.522.000 đồng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua bán còn nợ lại là 179.522.000 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn đồng).

[3] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Ông L cho rằng ông D đã chậm thanh toán tiền hàng sau khi đã đối chiếu công nợ với Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ vào cuối năm 2017 nên ông yêu cầu Tòa án tính lãi với mức lãi suất là 0,75%/tháng trong thời gian ông D chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/10/2018. Ông D thừa nhận thời điểm mua bán cuối cùng là ngày 28/8/2017, sau đó các bên có đối chiếu công nợ và ông có ký xác nhận trong công nợ lập vào cuối năm 2017 với số tiền 182.522.000 đồng. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 50, khoản 1 Điều 55 và Điều 306 của Luật thương mại năm 2005, mức lãi suất và thời gian đề nghị đề nghị tính lãi của nguyên đơn cũng theo hướng có lợi cho bị đơn khi xem xét, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Số tiền lãi được xem xét cụ thể như sau: 179.522.000 đồng x 0,75%/tháng x 09 tháng 07 ngày (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 08/10/2018) = 12.431.898 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ, buộc bị đơn – ông Lâm Thế D chịu trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại LMĐ số tiền mua bán hàng hóa còn nợ lại là 179.522.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay là 12.431.898 đồng, tổng cộng 191.953.898 đồng (một trăm chín mươi mốt triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng).

[2] Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn – ông Lâm Thế D phải chịu án phí là: 191.953.898 đồng đồng x 5% = 9.597.694 đồng (chín triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm chín mươi bốn đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 4.550.000 đồng (bốn triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá theo Biên lai thu tiền số 0004526, ngày 02/4/2018.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 305, Điều 428, Điều 431 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng các Điều 34, 42, 50, 52, 55, 56, 306 của Luật thương mại năm 2005;

- Áp dụng khoản 6 Điều 19, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH124 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" đối với bị đơn – ông Lâm Thế D.

2. Buộc bị đơn – ông Lâm Thế D chịu trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại LMĐ số tiền mua bán hàng hóa còn nợ lại là 179.522.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay là 12.431.898 đồng, tổng cộng 191.953.898 đồng (một trăm chín mươi mốt triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 3.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu rút do đã tự nguyện khấu trừ qua khoản nợ mua bán 182.522.000 đồng.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn – ông Lâm Thế D phải chịu án phí là: 191.953.898 đồng đồng x 5% = 9.597.694 đồng (chín triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm chín mươi bốn đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn LMĐ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 4.550.000 đồng (bốn triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá theo Biên lai thu tiền số 0004526, ngày 02/4/2018.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Đức Luân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Mai Văn Bé Em **Chung Kim Sang** **Đào Đức Luân**